

Bản án số: 542/2017/HNGĐ-ST

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Viết Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Kim Hồng;

2/ Bà Lê Thị Kim Em.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2017 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Kim Bích N, sinh năm 1984

Địa chỉ: Đường P, thị trấn B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Đường P, phường Đ, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà Trần Kim Bích N trình bày:

Bà Trần Kim Bích N và ông Lê Thanh T qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2004, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2004 (Giấy chứng nhận kết hôn số 199, quyển số 02/2004 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận X, cấp ngày 20/12/2004).

Vợ chồng sống hạnh phúc được 06 năm thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do ông T sống thiếu trách nhiệm với gia đình, mặt khác ông và có sự bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong cách nuôi dạy con cái. Mặc dù bà đã nhiều lần tìm cách hàn gắn mâu thuẫn nhưng không được, nay tình cảm vợ chồng không

còn, khả năng đoàn tụ không có, hiện nay cả hai đang sống ly thân, nên nay bà N yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Lê Thanh T.

- Về con chung: Có 02 con chung họ tên Lê Trần Quốc H (nam), sinh ngày 16/9/2006 và Lê Trần Quốc A (nam), sinh ngày 08/8/2008. Hiện bà N đang trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trần Kim Bích N trình bày không có.

Bà Trần Kim Bích N xác định việc ly hôn của vợ chồng ông bà không nhằm trốn tránh nghĩa vụ nào khác.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về việc không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác... nhưng ông Lê Thanh T vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không lấy được lời khai và không tiến hành hoà giải được. Vì vậy Tòa án vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ các bước tiến hành tố tụng đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: về thẩm quyền thụ lý vụ án, thụ thập chứng cứ, tiến hành hòa giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và các đương sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Lê Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Căn cứ các điều Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] 1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

[3] Bà Trần Kim Bích N, khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông Lê Thanh T, địa chỉ: Đường P, phường Đ, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7 theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[4] Bị đơn ông Lê Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] 2. Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[6] Về quan hệ hôn nhân: Qua thời gian tìm hiểu thì bà Trần Kim Bích N và ông Lê Thanh T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2004, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2004 (Giấy chứng nhận kết hôn số 199, quyển số 02/2004 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận X, cấp ngày 20/12/2004).

[7] Theo lời trình bày của nguyên đơn: Vợ chồng sống hạnh phúc được 06 năm thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do ông T sống thiếu trách nhiệm với gia đình, mặt khác ông và có sự bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong cách nuôi dạy con cái. Mặc dù bà đã nhiều lần tìm cách hàn gắn mâu thuẫn nhưng không được, nay tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, hiện nay cả hai đang sống ly thân.

[8] Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về việc không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác... nhưng ông Lê Thanh T vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không lấy được lời khai và không tiến hành hoà giải được. Căn cứ theo quy định tại Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì ông T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận lời khai của bà N, và các chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

[9] Tại văn bản trả lời kết quả xác minh của Hội Liên Hiệp phụ nữ phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung : Hai vợ chồng ông T và bà N hiện đang sống ly thân, trong quá trình chung sống không có gây gổ,

gây mất trật tự tại địa phương, hiện ông T đang sống tại địa chỉ Đường P, phường Đ, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, bà N sống tại nhà mẹ ruột.

[10] Do cả hai đang sống ly thân, do đó quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T khó có khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc giải quyết cho ly hôn là cần thiết. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Kim Bích N.

[11] Về con chung: Có 02 con chung tên là: Lê Trần Quốc H (nam), sinh ngày 16/9/2006 và Lê Trần Quốc A (nam), sinh ngày 08/8/2008. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Trần Kim Bích N được trực tiếp nuôi hai con chung là chính đáng, vì hiện nay bà đang trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc con chung, nên việc giao cho bà N là người nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp, ổn định tâm lý cho trẻ. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con.

[12] Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

[13] Về nợ chung: Bà Trần Kim Bích N trình bày không có.

[14] Về án phí: Bà Trần Kim Bích N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2012/07704 ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Kim Bích N được ly hôn với ông Lê Thanh T. Giấy chứng nhận kết hôn số 199, quyển số 02/2004 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận X, cấp ngày 20/12/2004 không còn giá trị pháp lý.

1.2 Về con chung: Giao hai (02) trẻ tên Lê Trần Quốc H (nam), sinh ngày 16/9/2006 và Lê Trần Quốc A (nam), sinh ngày 08/8/2008 cho bà Trần Kim Bích N được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần

Kim Bích N về việc không yêu cầu bà ông Lê Thanh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, ông Lê Thanh T được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Kim Bích N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2012/07704 ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7
- Ủy ban nhân dân phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Viết Bình